TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 13/2022/DS-ST
Ngày 16-8-2022
Về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa ông Trương Văn H với ông Trịnh Trọng Chuýnh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ánh và ông Hoàng Quang Dưỡng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình, Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Vân T, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Trọng Ch, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số nhà 179, Lê Duẩn, Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr; địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr.

Đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph: Ông Vũ Thành C, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph (theo văn bản uỷ quyền số 1730 ngày 08/8/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1956 *(vợ ông Ch),* có đơn xin giải quyết vắng mặt;
- Bà Trịnh Thị Lan A, sinh năm 1979, có đơn xin giải quyết vắng mặt;
- Bà Trịnh Thị Bích A, sinh năm 1980, có đơn xin giải quyết vắng mặt;
- Ông Trịnh Trọng Ngh, sinh năm 1987, có đơn xin giải quyết vắng mặt;
- Ông Trịnh Trọng T, sinh năm 1988, có đơn xin giải quyết vắng mặt;

(Bà Lan A, bà Bích A, ông Ngh và ông T đều là con của ông Ch và bà Kh)

Đều có nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr.

- Bà Hà Thị M, sinh năm 1976 *(vợ ông H),* có mặt.

- Bà Trương Hà Dạ Th, sinh năm 2003 *(con ông Hvà bà Minh),* vắng mặt*;*

Đều cư trú tại Thôn Vân T, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hà Thị M và bà Trương Hà Dạ Th: Ông Trương Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Vân T, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr (theo văn bản uỷ quyền ngày 28/7/2020), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2014, ông Trương Văn H đấu trúng lô đất và đã được Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR700970 ngày 30/6/2014 tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 3; diện tích 203m^2 toạ lạc tại Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr. Sau đó, ông H phát hiện ông Trịnh Trọng Ch đã lấn chiếm toàn bộ diện tích đất đã cấp cho ông H, ông Ch tự ý xây dựng lán trại, sản xuất, kinh doanh, dựng hàng rào nhằm chiếm đoạt toàn bộ diện tích đất của gia đình ông H mà không thông qua ý kiến của ông H. Tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph đã tiến hành hoà giải hai lần nhưng không có kết quả nên ông Hl àm đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trịnh Trọng Ch trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm là 203m^2 và tháo dỡ lán trại, hàng rào và mặt bằng thuộc quyền sử dụng đất của ông H.

- *Theo đơn trình bày ý kiến ngày 16/6/2020, ngày 11/7/2022, bị đơn ông Trịnh Trọng Ch trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông H và ông Ch là do ông Ch và bà Kh nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Khắc Ng và bà Lê Thị X vào tháng 02/1993. Từ năm 1993 đến 2019, ông Ch sử dụng đất ổn định không có tranh chấp để ở và sản xuất gồm lăng, am, bia mộ, ghế đá công viên, chậu hoa cây cảnh. Cuối năm 2019, thì ông Ch mới phát hiện lô đất của ông đang sử dụng bị Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph phân lô đấu giá và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn H từ năm 2014. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tự ý lấy đất cuả gia đình ông đem đấu giá và cấp giấy chứng nhận cho ông Trương Văn H là trái quy định của pháp luật. Nay, ông H khởi kiện và yêu cầu ông Ch phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất và trả lại 203m^2 đất cho ông H thì ông Ch không đồng ý.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Trịnh Thị Lan A, bà Trịnh Thị Bích A, ông Trịnh Trọng Ngh, ông Trịnh Trọng T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên không có bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không đến tham gia các phiên hoà giải theo giấy triệu tập hợp lệ của Toà án.

Theo công văn số 3010/UBND-TN ngày 20/8/2020 và tại phiên hoà giải ngày 15/7/2022 người đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa ông H và ông Ch trước đây quy hoạch vào mục đích quốc phòng do Uỷ ban nhân dân thị trấn Ái T quản lý. Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không thể hiện ông Ch đang sử dụng thửa đất tranh chấp nói trên. Khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, cắm cọc, phân lô và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất

Uỷ ban nhân dân huyện đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đối với trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Văn H đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 7 Điều 166 của Luật Đất đai xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H. Buộc ông ông Trịnh Trọng Ch phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất trả lại cho ông H203m^2 đất. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trịnh Trọng Ch phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Về án phí: Buộc ông Trịnh Trọng Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp: Ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Trọng Ch phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại diện tích 203m^2 tại thửa 1009, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr. Vì vậy, Toà án nhân dân huyện Triệu Phong xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trịnh Trọng Ch có nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr. Vì vậy, Toà án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về tố tụng:

- Về đưa người tham gia tố tụng: Trên cơ sở yêu cầu của đương sự và xét thấy cần thiết, Tòa án đã chấp nhận và đưa bà Nguyễn Thị Kh *(vợ ông Ch)*, bà Trịnh Thị Lan A, bà Trịnh Thị Bích A, ông Trịnh Trọng Ngh, ông Trịnh Trọng T *(đều là các con của ông Ch và bà Kh)*, bà Hà Thị M *(vợ ông H)*, bà Trương Hà Dạ Th *(con của ông Hvà bà Minh)*; Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Ch và bà Kh ủy quyền cho bà Lê Thị H tham gia tố tụng tại Tòa án; ông Võ Công H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch và bà Kh. Tuy nhiên, ngày 01/8/2022, Toà án nhân dân huyện Triệu Phong nhận được đơn của bà Lê Thị H và ông Võ Công H về việc ông Võ Công H, Luật sư

thuộc Công ty luật Công Khánh chấm dứt tham gia người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh; bà Lê Thị H chấm dứt đại diện theo uỷ quyền cho ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh nên Tòa án không đưa bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông Ch và bà Kh; ông H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch và bà Kh vào tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trương Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph có mặt, bị đơn ông Trịnh Trọng Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Kh, bà Lan A, bà Bích A, ông T và ông Ngh đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xem xét về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông Trương Văn H và ông Trịnh Trọng Ch: Quá trình giải quyết vụ án, ông Ch cho rằng: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông Ch và ông Hlà do gia đình ông nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Khắc Ng và bà Lê Thị X vào tháng 02/1993. Từ năm 1993 đến 2019, ông Ch sử dụng đất ổn định không có tranh chấp. Tuy nhiên, ông Ch không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thửa đất đang tranh chấp nói trên là đất do ông Ch nhận chuyển nhượng của ông Ng và bà X.

Theo kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Ái T và ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph thì: Thửa đất tranh chấp giữa ông H và ông Ch có nguồn gốc từ năm 2009 trở về trước, thửa đất này được quy hoạch vào mục đích quốc phòng do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý, sau đó không quy hoạch nữa nên huyện đưa vào phân lô đấu giá đất. Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không thể hiện ông Ch đang sử dụng thửa đất này.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Ngày 23/12/1998, ông Ch mua nhà và đất của ông Hoàng Q, ngày 05/02/2002, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00256 QSDĐ/32/QĐ-UB tại thửa đất số 95/1, tờ bản đồ số 3, diện tích 160m^2 cho ông Trịnh Trọng Ch. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ch có ghi "Đông giáp bãi đất trống", phần đất trống này (giáp phía sau nhà ông Ch ở). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ch thừa nhận sau khi mua nhà và đất của ông Quỳnh thì gia đình ông Ch ở ổn định từ đó cho đến nay. Sau khi ở ổn định thì ông Ch mới hành nghề đúc chậu, lăng, am.... Để mở rộng sản xuất thì ông Ch đã dựng lán trại trên phần đất trống giáp sau nhà ở của ông Ch, việc Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph khi thực hiện việc đấu giá đã không thông báo và bồi thường giải phòng mặt bằng, không ra quyết định thu hồi đất là trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 17/9/2010, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph ban hành Quyết định số 938/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình cắm cọc phân lô, đo vẽ địa chính và đền bù giải phóng mặt bằng khu dân cư đường Quốc lộ 1A (đường T19). Danh sách đền bù, giải phóng mặt bằng của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph có 99 hộ được đền

bù trong đó có hộ ông Trịnh Trọng Ch được bồi thường số tiền 580.000 đồng. Ngày 29/9/2010, ông Ch có bản cam kết tự giải phóng mặt. Ông Ch đã ký nhận chi trả đợt 1 là 300.000 đồng; chi trả đợt 2 là 280.000 đồng. Trong bản cam kết ông Ch đã ký xác nhận và ghi rõ *"Tôi đã nhận đủ số tiền đợt 2"*. Theo Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất các ngày 27 và 28/3/2014 tại địa bàn thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong thì tại tuyến đường T19 *(cùng quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá với ông Trương Văn H),* ông Ch cũng đã tham gia và trúng đấu giá lô đất số 1006, tờ bản đồ số 3 với diện tích 206 m^2. Tuy nhiên, sau khi phê duyệt kết quả trúng đấu giá ông Ch không nộp tiền sử dụng đất theo quy định nên Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Ph đã ban hành Quyết định số 813/QĐ-UBND huỷ kết quả trúng đấu giá của ông Ch. Như vậy, ông Ch cho rằng thửa đất đang tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn, bà Xuyên và đã sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay, sau khi ông Hcó tranh chấp gia đình ông mới biết thửa đất này đã bị Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn H mà không thu hồi, bồi thường hay giải phóng mặt bằng là không có cơ sở, không đúng với thực tế.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Văn H yêu cầu Toà án buộc ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải tháo dỡ các tài sản trên đất; trả toàn bộ diện tích đất 203m^2 cho ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chổ ngày 01/3/2021*(Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Triệu Phong thực hiện và cung cấp sơ đồ đo vẽ ngày 14/7/2022)* thể hiện đất đang tranh chấp có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lê Cảnh H có chiều dài 29,0m; phía Nam giáp đất do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý *(hiện ông Ch đang sử dụng)* có chiều dài 29.0m; phía Đông giáp đường Trường Chinh có chiều dài 7,0m; phía Tây giáp đất ông Đoàn Văn H có chiều dài 7,0m. Tổng diện tích lấn chiếm là 203m^2. Tuy nhiên, trên thửa đất này ông Ch đã lấn chiếm để làm hàng rào bằng sắt B80, sắt 4, làm lán trại bằng vật liệu sắt, gỗ và tre, mái lợp bằng tôn kẽm và tôn brôximăng, trên đất có một số chậu cây cảnh, khuôn chậu và có khoảng 50m^2 đất có cây dứa dại do ông Ch trồng để làm hàng rào… là trái pháp luật. Hiện ông Ch và bà Kh đang sử dụng và quản lý phần đất và các tài sản trên đất nên cần buộc ông Ch và bà Kh phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại phần đất đã lấn chiếm là 203m^2 cho ông Trương Văn H.

- Đối với yêu cầu huỷ quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR700970 ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph cấp cho ông Trương Văn H: Ngày 15/7/2022, Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn ông Trịnh Trọng Ch và người đại diện theo ủy quyền của ông Ch và bà Kh là bà Lê Thị Huê đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR700970 ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph cấp cho ông Trương Văn H. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 30/11/2020,Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý vụ án hành chính số 32/2020/TLST-HC về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" giữa nguyên đơn ông Trịnh Trọng Ch và bị đơn Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông

Trương Văn H với nội dung *"Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR700970 do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph cấp ngày 30/6/2014 cho ông Trương Văn H"*. Ngày 30/3/2021, Tòa án nhân dân dân tỉnh Quảng Trị ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án hành chính nói trên. Như vậy, yêu cầu của ông Ch và bà Huê đang được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong không xem xét yêu cầu của ông Ch và bà Huê trong vụ án này.

[3] Về chi phí xem, xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.602.000 đồng; yêu cầu của ông Trương Văn H được Toà án chấp nhận nên ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải hoàn trả cho ông Trương Văn H số tiền là 2.602.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[**4] Về án phí:** Yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Văn H được chấp nhận toàn bộ nên ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Ch và bà Kh đã được Toà án hướng dẫn nhưng không làm đơn đề nghị miễn, giảm án phí theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không được xem xét miễn, giảm án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 5, 7 Điều 166 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H. Buộc ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải trả lại toàn bộ diện tích đất 203m^2 cho ông Trương Vân Huề, buộc ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh tháo dỡ toàn bộ công trình, vật liệu trên đất gồm hàng rào bằng sắt B80, sắt 4, lán trại bằng vật liệu sắt, gỗ và tre, mái lợp bằng tôn kẽm và tôn brôximăng, chậu cây cảnh, khuôn chậu và toàn bộ cây dứa dại trồng trên đất tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 3; toạ lạc tại Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr. Ranh giới thửa đất được xác định như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lê Cảnh H; phía Nam giáp đất do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý *(hiện ông Ch đang sử dụng)*; phía Đông giáp đất đường Trường Chinh; phía Tây giáp đất ông Đoàn Văn H (*kèm theo sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất của Văn phòng*

đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị-Chi nhánh huyện Triệu Phong được Toà án thẩm định ngày 11/3/2021).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải hoàn trả cho Trương Văn H số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.602.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Trịnh Trọng Ch và bà Nguyễn Thị Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trương Văn H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004610 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QT;
- VKSND huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**